



DOI:10.22144/ctujos.2026.031

HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA LƯU HỌC SINH Ở TRƯỜNG CAO ĐẲNG AN NINH NHÂN DÂN I, BỘ CÔNG AN

Phạm Thị Thúy Hằng^{1*} và Phạm Hồng Quân²

¹Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế, Việt Nam

²Trường Cao đẳng An ninh nhân dân I, Bộ Công an, Việt Nam

*Tác giả liên hệ (Corresponding author): pthang.dhsp@hueuni.edu.vn

Thông tin chung (Article Information)

Nhận bài (Received): 27/05/2025

Sửa bài (Revised): 28/06/2025

Duyệt đăng (Accepted): 17/11/2025

Title: Learning activities of international students: a practical study at People's Security College I, Ministry of Public Security

Author: Pham Thi Thuy Hang^{1*} and Pham Hong Quan²

Affiliation(s): ¹University of Education, Hue University, Viet Nam; ²People's Security College I, Ministry of Public Security, Viet Nam

TÓM TẮT

Bài báo được thực hiện nhằm nghiên cứu thực trạng hoạt động học tập (HDHT) của lưu học sinh (LHS) tại Trường Cao đẳng An ninh nhân dân I, Bộ Công an. Trong nghiên cứu, HDHT được tiếp cận theo cấu trúc gồm các thành tố: nhận thức về tầm quan trọng, mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, điều kiện tổ chức và kiểm tra – đánh giá kết quả. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi kết hợp phỏng vấn sâu được áp dụng trên mẫu gồm 55 cán bộ quản lý, 80 giảng viên và 250 LHS. Kết quả cho thấy, HDHT của LHS được thực hiện ở mức độ “thường xuyên” và đạt hiệu quả “khá” trên tất cả các thành tố khảo sát. Tuy nhiên, điểm trung bình hiệu quả ở mỗi thành tố đều thấp hơn so với điểm trung bình mức độ thực hiện, phản ánh khoảng cách giữa triển khai và kết quả đạt được. Các thành tố như kiểm tra – đánh giá và phương pháp học tập còn nhiều hạn chế, cần cải thiện. Trên cơ sở đó, các khuyến nghị đã được đề xuất nhằm nâng cao chất lượng HDHT của LHS thông qua việc thực hiện đồng bộ, hiệu quả và phù hợp với đặc thù LHS đối với từng thành tố cấu trúc HDHT trong nhà trường.

Từ khóa: An ninh nhân dân, cao đẳng, học tập, hoạt động học tập, lưu học sinh

ABSTRACT

This article presents the findings of a study on the current state of learning activities among international students (IS) at the People's Security College I under the Ministry of Public Security. The research examines learning activities through the lens of seven structural components: awareness of importance, objectives, content, methods, organizational forms, conditions, and assessment of learning outcomes. The study employed a mixed-method approach, including surveys and in-depth interviews, with a sample of 55 educational managers, 80 lecturers, and 250 international students. Findings indicate that learning activities were implemented “frequently” and rated as “fairly effective” across all components. However, the average scores for effectiveness were consistently lower than those for implementation, revealing a gap between practice and outcomes. Particularly, assessment and learning methods were identified as areas requiring improvement. Based on these findings, the study proposes recommendations to enhance the quality of international students' learning activities through comprehensive and context-appropriate interventions aligned with each structural component of the learning process.

Keywords: College, international students, people's security, study, study activities

1. GIỚI THIỆU

Trong nhà trường, hoạt động dạy và học được xem là nhiệm vụ trọng tâm, là chỉ số phản ánh chất lượng giáo dục và đào tạo (GD&ĐT) (Nguyen et al., 2022; Pham et al., 2024). Hoạt động học tập (HĐHT) hướng đến việc khám phá thế giới và lĩnh hội kinh nghiệm xã hội thông qua quá trình nhận thức độc lập của người học, qua đó hình thành nhân cách và tạo ra những giá trị tốt đẹp (Nguyen & Ha, 2002; Weaver et al., 2008). Kết quả học tập phản ánh chất lượng đào tạo, nên HĐHT trở thành nội dung cốt lõi cần chú trọng, đặc biệt ở bậc cao đẳng, đại học – nơi quá trình học mang tính nghiên cứu và độc lập cao hơn so với phổ thông (Nguyen et al., 2022).

Hoạt động dạy học nói chung và HĐHT trong nhà trường được tiếp cận qua các thành tố cấu trúc (Nguyen, 2010), gồm: *mục tiêu hoạt động* (những hành động học tập nhằm đạt kiến thức, kỹ năng, hành vi, thái độ), *nội dung hoạt động* (các nhiệm vụ cụ thể giúp người học khám phá, chiếm lĩnh tri thức và giải quyết vấn đề), *tổ chức thực hiện hoạt động* (hành động cụ thể của người dạy và người học thông qua các phương pháp, hình thức nhằm hiện thực hóa mục tiêu, nội dung) và *sản phẩm hoạt động* (kết quả học tập được xác định qua quá trình kiểm tra – đánh giá). Đồng thời, theo quan điểm hệ thống, hoạt động dạy – học bao gồm nhiều thành tố cơ bản có mối liên hệ mật thiết và quy định lẫn nhau, tạo nên một hệ thống thống nhất. Chính sự gắn kết và tác động qua lại này làm cho hoạt động dạy – học vận hành và phát triển; nếu thiếu hoặc thiếu phù hợp bất kỳ thành tố nào sẽ cản trở toàn bộ quá trình (Nguyen & Ha, 2002). Học tập là nhân tố quyết định trong hoạt động dạy học nhưng lại ít được nghiên cứu hơn so với các yếu tố khác, dẫn đến thiếu vắng các chỉ dẫn khoa học hỗ trợ người học hình thành hoạt động học và giúp người dạy tổ chức hiệu quả hoạt động học tập, đặc biệt trong bối cảnh dạy học hiện đại (Le, 2013).

Tại Việt Nam, GD&ĐT là lĩnh vực then chốt được Đảng và Nhà nước ưu tiên nhằm phát triển nguồn nhân lực. Trong đó, đào tạo lực lượng Công an nhân dân (CAND) đóng vai trò đặc biệt, góp phần hiện thực hóa Nghị quyết 12-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng lực lượng CAND chính quy, tinh nhuệ, hiện đại (Politburo, 2022). Bộ Công an đã ban hành nhiều chính sách, đề án, thông tư về đổi mới đào tạo lực lượng CAND (Ministry of Public Security, 2023).

Trường Cao đẳng An ninh nhân dân I trực thuộc Bộ Công an, có nhiệm vụ đào tạo nghiệp vụ và tiếp

nhận đào tạo lưu học sinh (LHS) quốc tế (People's Security College I, 2020). Theo Thông tư 30/2018/TT-BGDĐT, LHS là người nước ngoài học tập tại các cơ sở giáo dục Việt Nam (Ministry of Education and Training, 2018). Nghiên cứu này, đối tượng được tập trung là nhóm LHS diện hiệp định – những người học tập theo thỏa thuận giữa phía Việt Nam và các tổ chức, cá nhân tài trợ. Nhà trường được lãnh đạo Bộ Công an giao nhiệm vụ quản lý, đào tạo và bồi dưỡng cho đối tượng là cán bộ Bộ Nội vụ Campuchia và cán bộ Bộ Công an Lào. Đây là lực lượng mang ý nghĩa chính trị – chiến lược trong hợp tác quốc tế về GD&ĐT (Ministry of Public Security, 2008; Ministry of Education and Training, 2018). HĐHT của LHS tại Trường Cao đẳng An ninh nhân dân (ANND) I ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập và sự hình thành phẩm chất nghề nghiệp của chiến sĩ CAND tương lai. Việc đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả HĐHT cho nhóm đối tượng này là cần thiết, nhất là trong bối cảnh biến động chính trị – xã hội hiện nay.

HĐHT của người học ở trường cao đẳng, đại học nói chung đã được nhiều tác giả trong nước quan tâm nghiên cứu trên nhiều hướng tiếp cận khác nhau như: sử dụng thời gian học tập (Nguyen, 2018), mức độ thích ứng (Ngo et al., 2021), thực trạng học tập (Nguyen et al., 2022) và quản lý hoạt động học tập (Nguyen & Huynh, 2024). Tuy nhiên, việc nghiên cứu về HĐHT của LHS quốc tế tại các trường CAND còn rất hạn chế. Vì vậy, kết quả nghiên cứu này góp phần khắc phục khoảng trống trong xu hướng nghiên cứu.

Căn cứ các cơ sở khoa học đã trên, bài báo được thực hiện nhằm tập trung đánh giá thực trạng HĐHT của LHS ở trường Cao đẳng ANND I, Bộ Công an theo các thành tố: (1) nhận thức về tầm quan trọng của HĐHT, (2) mục tiêu HĐHT, (3) nội dung HĐHT, (4) phương pháp và hình thức tổ chức HĐHT, (5) điều kiện tổ chức HĐHT và (6) đánh giá kết quả HĐHT của LHS ở nhà trường. Trên cơ sở đó, khuyến nghị đối với các chủ thể liên quan đến HĐHT của LHS trong việc thực hiện thống nhất đã được đề xuất, việc đồng bộ các thành tố để mang lại hiệu quả cho HĐHT của LHS tại trường Cao đẳng ANND I.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong nghiên cứu này, việc khảo sát được thực hiện tại trường Cao đẳng ANND I, Bộ Công An. Tổng mẫu được khảo sát bao gồm: 55 cán bộ quản lý (CBQL) cấp đơn vị tại nhà trường (Khoa/Phòng/Trung tâm nằm trong hệ thống quản lý giáo dục học viên nước ngoài) và CBQL học viên

tại nước gửi LHS đi học, 80 giảng viên (GV) và 250 LHS. Phương pháp điều tra bảng hỏi được áp dụng để thu thập dữ liệu từ CBQL, GV và LHS. Trong bảng hỏi, câu hỏi nghiên cứu được thiết kế theo thang đo Likert 5 bậc. Kết quả kiểm định hệ số tin cậy Cronbach's Alpha = 0,870 cho thấy các câu hỏi có độ tin cậy tốt.

Để xử lý số liệu khảo sát, thang đo được quy ước với 5 mức độ thực hiện và mức độ hiệu quả, trong thang đo giá trị khoảng cách là $n = \frac{\text{cao nhất} - \text{thấp nhất}}{n} = \frac{5 - 1}{5} = 0,8$ (Hoang & Nguyen, 2008). Theo đó, mức độ quan trọng, mức độ thực hiện và hiệu quả thực hiện được quy ước như sau: rất quan trọng/rất thường xuyên/tốt ($4,20 \leq M \leq 5$), quan trọng/thường xuyên/khá ($3,40 \leq M < 4,20$), bình thường/thỉnh thoảng/trung bình ($2,60 \leq M < 3,40$), ít quan trọng/ít thực hiện/yếu ($1,80 \leq M < 2,60$), không quan trọng/không thực hiện/kém ($1,0 \leq M < 1,80$). Số liệu được xử lý thông qua phần mềm SPSS với các đại lượng: M là điểm trung bình, SD là độ lệch chuẩn, Sig. là giá trị kiểm định khác biệt M (T-test), r là hệ số tương quan, *: $p < 0,05$, **: $p < 0,01$. Thời gian khảo sát từ tháng 8/2024 đến tháng 10/2024.

Đồng thời, phương pháp phân tích định tính đã được sử dụng trong nghiên cứu nhằm xử lý các thông tin thu thập được từ phương pháp phỏng vấn trong quá trình nghiên cứu. Trong đó, 10 GV và 10 LHS được lựa chọn ngẫu nhiên để tiến hành phỏng vấn. Nội dung phỏng vấn về những khó khăn và thuận lợi trong HĐHT của LHS tại nhà trường. Việc quy ước mã hóa danh mục GV và LHS tham gia phỏng vấn đã được thực hiện (từ 1GV1 - 10GV10, 1LHS1 - 10LHS10). Các ý kiến được lựa chọn và thống kê theo từng mục với trình tự có ý nghĩa, biên tập lại thành những phát biểu tương đồng trong các nhóm đối tượng, đủ nghĩa để trích dẫn.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Nhận thức của cán bộ quản lý, giảng viên và lưu học sinh về tầm quan trọng hoạt động học tập của lưu học sinh ở trường Cao đẳng An ninh nhân dân I

Nghiên cứu tiến hành khảo sát và so sánh đánh giá của các nhóm đối tượng CBQL, GV và LHS đối với những khía cạnh thể hiện tầm quan trọng HĐHT của LHS tại Trường Cao đẳng ANND I. Kết quả được tổng hợp và trình bày tại Bảng 1.

Bảng 1. Đánh giá của CBQL, GV và LHS về tầm quan trọng HĐHT của LHS ở trường Cao đẳng An ninh nhân dân I

Stt	Tầm quan trọng	CBQL, GV		LHS		Chung		Sig.
		M	SD	M	SD	M	SD	
1	Hình thành năng lực và phẩm chất nghề nghiệp của người chiến sĩ CAND trong tương lai	3,47	0,21	3,42	0,98	3,44	0,20	0,84
2	Tác động trực tiếp đến kết quả học tập của LHS và phát triển trình độ chuyên môn nghiệp vụ	3,63	0,58	3,44	0,57	3,53	0,12	0,82
3	Chất lượng đào tạo của nhà trường, năng lực nghề nghiệp phụ thuộc vào chính HĐHT của LHS	3,41	0,69	3,56	0,55	3,49	0,81	0,66
4	Ý nghĩa chính trị sâu sắc, tăng cường mối quan hệ hữu nghị giữa Việt Nam và các nước trong khu vực	3,45	0,47	3,59	0,62	3,50	0,82	0,72
5	Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về GD&ĐT nguồn nhân lực	3,44	0,85	3,62	0,36	3,52	0,47	0,77
6	Nâng cao kết quả đào tạo nhà trường, đáp ứng yêu cầu đào tạo nhân lực cho phát triển xã hội	3,54	0,15	3,51	0,24	3,53	0,35	0,55

Ghi chú: $1 \leq M \leq 5$; M: điểm trung bình, SD: độ lệch chuẩn, Sig.: giá trị kiểm định khác biệt ĐTB (T-test); mức độ quan trọng: 1. không quan trọng, 2. ít quan trọng, 3. bình thường, 4. quan trọng và 5. rất quan trọng

Kết quả thống kê tại Bảng 1 cho thấy:

Xét chung toàn mẫu: Các biểu hiện về tầm quan trọng của HĐHT của LHS được CBQL, GV và LHS trường Cao đẳng ANND I đánh giá với mức ĐTB nằm trong khoảng 3,44 - 3,53, thể hiện mức độ “rất quan trọng”. Giá trị SD ở tất cả tiêu chí đều $\leq 1,0$ thể hiện mức độ tập trung ý kiến rất cao. Đội ngũ CBQL, GV và LHS đánh giá cao tầm quan trọng HĐHT của

LHS xét trên nhiều khía cạnh tích cực. Trong đó, các khía cạnh được đánh giá cao nhất là: *tác động trực tiếp đến kết quả học tập của LHS và phát triển trình độ chuyên môn nghiệp vụ; nâng cao kết quả đào tạo nhà trường; đáp ứng yêu cầu nhân lực; đẩy mạnh hợp tác quốc tế về GD&ĐT.*

Xét theo đối tượng khảo sát: Kết quả kiểm định sự khác biệt về ĐTB trong đánh giá tầm quan trọng của HĐHT của LHS cho thấy, không có sự khác biệt

có ý nghĩa về ĐTB ở tất cả các khía cạnh đánh giá (Sig. > 0,05). Như vậy, có thống nhất cao trong đánh giá tầm quan trọng của HĐHT của LHS được CBQL, GV và LHS. Đây là cơ sở có ý nghĩa quan trọng, tạo nên sự đồng thuận về mặt nhận thức của các chủ thể đối với việc thúc đẩy HĐHT của LHS ở trường Cao đẳng ANND I.

3.2. Thực trạng mục tiêu của hoạt động học tập của lưu học sinh ở trường Cao đẳng An ninh nhân dân I

Kết quả khảo sát tại Bảng 2 cho thấy, thực trạng mức độ thực hiện và mức độ hiệu quả về mục tiêu HĐHT của LHS được CBQL, GV và LHS trường Cao đẳng ANND I đánh giá ở mức độ “thường xuyên” (M chung = 3,81) và “khá” hiệu quả (M chung = 3,78). Giá trị ĐLC ở tất cả tiêu chí đều ≤ 1,0 thể hiện mức độ phân tán ý kiến đánh giá của CBQL, GV và LHS nhỏ. Việc xét ĐTB chung có thể cho thấy hiệu quả thực hiện mục tiêu HĐHT của LHS được đánh giá thấp hơn so với mức độ thực hiện. Trong đó, các mục tiêu cụ thể được đánh giá thực hiện ở mức thường xuyên và hiệu quả cao hơn đó là: *LHS nắm vững hệ thống kiến thức chung, cơ sở, kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ; LHS rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; tinh thần trách nhiệm được giao.*

Các mục tiêu khác được đánh giá thực hiện ở mức thường xuyên và hiệu quả thấp hơn là: *thực hiện được các phương pháp nhận thức và hành động nghiệp vụ, LHS hình thành năng lực chuyên môn*

ng nghiệp vụ chuyên ngành. Tổng hợp kết quả phỏng vấn đội ngũ GV cho thấy, việc xác định mục tiêu HĐHT của LHS vẫn có xu hướng thiên về trang bị kiến thức, chưa tăng cường thực hành, rèn luyện khả năng vận dụng tổng các kiến thức nghiệp vụ ngành để xử lý tốt các tình huống nghiệp vụ, phương pháp công tác của lực lượng trinh sát an ninh theo ngành được đào tạo (1GV1, 3GV3).

Mối tương quan về mức độ và hiệu quả thực hiện: Kết quả kiểm nghiệm mối quan hệ tương quan về mức độ thực hiện và hiệu quả của mục tiêu HĐHT trong đánh giá của CBQL, GV và LHS cho thấy, trong từng mục tiêu cụ thể thì mức độ thường xuyên và tính hiệu quả có mối quan hệ tương quan thuận chặt chẽ (r = 0,27, p < 0,01). Kết quả này định hướng cho CBQL trường Cao đẳng ANND I rằng nhà trường càng quan tâm xác định rõ ràng và thực hiện thường xuyên mục tiêu HĐHT của LHS được CBQL, GV và LHS thì càng đạt được hiệu quả cao trong thực hiện mục tiêu HĐHT của LHS ở trường Cao đẳng ANND. Từ đó cho thấy các nội dung khảo sát về nhận thức thực hiện mục tiêu nhiệm vụ của LHS đảm bảo theo yêu cầu của CTĐT, học viên thực hiện khá đầy đủ các nội dung yêu cầu về nhiệm vụ học tập và mang lại hiệu quả tích cực trong HĐHT ở thời điểm khảo sát.

Kết quả khảo sát về thực trạng thực hiện và hiệu quả về mục tiêu HĐHT của LHS được CBQL, GV và LHS trường Cao đẳng ANND I đánh giá được trình bày tại Bảng 2.

Bảng 2. Đánh giá của CBQL, GV và LHS về thực trạng mục tiêu HĐHT của LHS ở trường Cao đẳng An ninh nhân dân I

Stt	Mục tiêu	Đối tượng	Mức độ thực hiện			Mức độ hiệu quả			r
			M	SD	TB	M	SD	TB	
1	LHS nắm vững hệ thống kiến thức chung, kiến thức cơ sở, kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ	CBQL, GV	3,90	0,72		3,83	0,71		0,39**
		LHS	3,85	0,80	1	3,82	0,74	1	
		Chung	3,88	0,78		3,83	0,73		
2	LHS hình thành năng lực chuyên môn nghiệp vụ chuyên ngành	CBQL, GV	3,71	0,76		3,73	0,87		0,28**
		LHS	3,79	0,82	4	3,75	0,83	5	
		Chung	3,75	0,82		3,74	0,84		
3	LHS thực hiện được các phương pháp nhận thức và hành động nghiệp vụ	CBQL, GV	3,75	0,64		3,82	0,87		0,24**
		LHS	3,74	0,62	4	3,74	0,89	3	
		Chung	3,75	0,63		3,78	0,89		
4	LHS rèn luyện phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; tinh thần trách nhiệm trong nhiệm vụ được giao	CBQL, GV	3,97	0,67		3,83	0,78		0,19*
		LHS	3,78	0,68	2	3,81	0,77	2	
		Chung	3,87	0,68		3,82	0,77		
5	LHS rèn luyện sức khỏe theo tiêu chuẩn rèn luyện thể lực	CBQL, GV	3,88	0,84		3,78	0,85		0,30**
		LHS	3,81	0,75	3	3,76	0,83	4	
		Chung	3,84	0,78		3,77	0,83		
Chung			3,81	0,76		3,78	0,82		0,27**

Ghi chú: 1 ≤ M ≤ 5; M: điểm trung bình, SD: độ lệch chuẩn, TB: thứ bậc, r: tương quan, *: p < 0,05 và **: p < 0,01.

3.3. Thực trạng thực hiện nội dung hoạt động học tập của lưu học sinh ở trường Cao đẳng An ninh nhân dân I

Kết quả khảo sát ở Bảng 3 cho thấy, CBQL, GV và LHS CBQL, GV và LHS trường Cao đẳng ANND I đánh giá thực trạng mức độ thực hiện và mức độ hiệu quả của nội dung HĐHT của LHS ở nhà trường với mức độ “thường xuyên” (M chung = 3,82), hiệu quả thực hiện ở mức “khá” (M chung = 3,80). ĐTB chung cũng cho thấy hiệu quả thực hiện nội dung HĐHT của LHS được đánh giá thấp hơn so với mức độ thực hiện. Giá trị SD ở tất cả tiêu chí đều ≤ 1,0 thể hiện mức độ tập trung ý kiến rất cao. Trong đó, nội dung HĐHT của LHS được đánh giá thực hiện ở mức thường xuyên và hiệu quả cao hơn đó là: *Học tập nội dung học phần trong CTĐT, học tập kiến thức mở rộng CTĐT, học tập nội dung rèn luyện phát triển kỹ năng nghề nghiệp*. Những nội dung được đánh giá thực hiện ở mức thường xuyên và hiệu quả thấp hơn: *học tập và rèn luyện kiến thức, kỹ năng hỗ trợ nghiệp vụ nghề nghiệp; thực hiện bài tập học phần, đề tài tiểu luận, đề án tốt nghiệp mang tính chất nghiên cứu khoa học*. Tổng hợp kết quả phỏng vấn GV và LHS cho rằng, để hoàn tất chương trình học người học bắt buộc phải học tập, hiểu và hoàn tất các nội dung của chương trình học (2GV2, 5GV5); tuy vậy, LHS chủ yếu thực hiện đầy đủ các nội dung chương trình đào tạo của nhà trường, nắm

vững kiến thức chuyên ngành góp phần nâng cao chất lượng đầu ra đáp ứng yêu cầu của xã hội (1GV1, 3GV3). Những nội dung HĐHT về kiến thức, kỹ năng hỗ trợ nghiệp vụ, học tập theo hướng NCKH chưa được chú trọng từ nhà trường và bản thân LHS (4GV4, 2GV2, 1LHS1, 3LHS3).

Mối tương quan về mức độ và hiệu quả thực hiện: Kết quả kiểm nghiệm tương quan cho thấy, trong từng nội dung, mức độ thường xuyên và tính hiệu quả có mối quan hệ tương quan thuận chặt chẽ ($r = 0,32, p < 0,01$). Kết quả này chứng tỏ rằng, CBQL, GV và LHS trường Cao đẳng ANND I càng quan tâm tổ chức thực hiện thường xuyên các nội dung HĐHT cho LHS thì mức độ hiệu quả của HĐHT càng cao. Việc thực hiện nội dung HĐHT cho LHS diễn ra ở mức thường xuyên và khá hiệu quả. Nhà quản lý cần tiếp tục quan tâm tăng cường thực hiện và chú trọng thực hiện nội dung HĐHT mang tính toàn diện, có hệ thống, khoa học và bám sát yêu cầu đổi mới chương trình và nhu cầu hình thành phẩm chất, năng lực của học viên và thực tiễn nghề nghiệp trong xã hội, trong đó, các nội dung học tập và rèn luyện kiến thức, kỹ năng hỗ trợ nghiệp vụ nghề nghiệp liên quan ngành đào tạo; thực hiện bài tập học phần, đề tài tiểu luận, đề án tốt nghiệp mang tính chất nghiên cứu cần tăng cường thực hiện thường xuyên và hiệu quả.

Bảng 3. Đánh giá của CBQL, GV và LHS về thực trạng thực hiện nội dung HĐHT của LHS ở trường Cao đẳng An ninh nhân dân I

Stt	Nội dung	Đối tượng	Mức độ thực hiện			Mức độ hiệu quả			r
			M	SD	TB	M	SD	TB	
1	Học tập nội dung các học phần trong CTĐT của nhà trường	CBQL, GV	3,88	0,60		3,90	0,81		0,42**
		LHS	3,92	0,71	1	3,80	0,73	1	
		Chung	3,90	0,65		3,85	0,76		
2	Học tập nội dung kiến thức mở rộng liên quan đến các học phần của CTĐT	CBQL, GV	3,89	0,56		3,83	0,80		0,25**
		LHS	3,88	0,60	2	3,82	0,73	2	
		Chung	3,88	0,62		3,83	0,78		
3	Học tập nội dung rèn luyện phát triển kỹ năng nghề nghiệp	CBQL, GV	3,84	0,64		3,82	0,70		0,17**
		LHS	3,76	0,80	3	3,77	0,80	3	
		Chung	3,80	0,73		3,80	0,75		
4	Học tập và rèn luyện kiến thức, kỹ năng hỗ trợ nghiệp vụ nghề nghiệp liên quan ngành đào tạo	CBQL, GV	3,62	0,62		3,69	0,72		0,34*
		LHS	3,73	0,60	5	3,74	0,75	5	
		Chung	3,67	0,61		3,70	0,73		
5	Thực hiện bài tập học phần, đề tài tiểu luận, đề án tốt nghiệp mang tính chất nghiên cứu khoa học	CBQL, GV	3,71	0,64		3,78	0,65		0,28**
		LHS	3,85	0,70	4	3,81	0,80	4	
		Chung	3,78	0,68		3,79	0,78		
Chung			3,80	0,68		3,78	0,73		0,32**

* Ghi chú: $1 \leq M \leq 5$; M: điểm trung bình, SD: độ lệch chuẩn, TB: thứ bậc, r: tương quan, *: $p < 0,05$, **: $p < 0,01$.

3.4. Thực trạng thực hiện phương pháp tổ chức hoạt động học tập của lưu học sinh ở trường Cao đẳng An ninh nhân dân I

Kết quả khảo sát ở Bảng 4 cho thấy, việc đánh giá của CBQL, GV và LHS về thực trạng thực hiện phương pháp tổ chức HĐHT của LHS thể hiện mức độ thực hiện là thường xuyên (M chung = 3,77), mức độ hiệu quả là khá (M = 3,76). ĐTB chung mức độ thực hiện thấp hơn ĐTB chung hiệu quả thực hiện phương pháp tổ chức HĐHT của LHS, tuy vậy mức độ chênh lệch không đáng kể. Mức độ tập trung ý kiến đánh giá của các đối tượng khảo sát cao (SD ≤ 1,0). Nhìn chung, nhà trường đã quan tâm đến việc tổ chức cho LSH tham gia HĐHT với đa dạng các phương pháp. Trong đó, các phương pháp cụ thể được đánh giá thực hiện ở mức thường xuyên và

hiệu quả cao hơn là: *nghe giảng kết hợp ghi chép, đọc sách, đặt câu hỏi, ôn tập, luyện tập*. Một số phương pháp thực hiện và hiệu quả thấp hơn so với các phương pháp khác như: *phương pháp mô hình/sơ đồ hóa, thí nghiệm, quan sát và diễn đạt quan điểm cá nhân*. Qua phỏng vấn, chúng tôi nhận được ý kiến: Đội ngũ GV đã quan tâm sử dụng các phương pháp tăng cường tham gia học tập của LHS, từ đó hình thành tri thức và kĩ năng vận dụng trong các tình huống thực tiễn nghề nghiệp (2GV2, 6GV6, 3LHS3, 5LHS5). Tuy nhiên, phương pháp học tập LHS áp dụng ghi chép, nghe giảng là phổ biến. Nguyên nhân cho là LHS nước ngoài tại Việt Nam có nhiều rào cản về ngôn ngữ và văn hóa. LHS cần nghe, viết nhiều để tăng khả năng ghi nhớ, tiếp thu, lĩnh hội kiến thức (1GV1, 10GV10).

Bảng 4. Đánh giá của CBQL, GV và LHS về thực trạng phương pháp tổ chức HĐHT của LHS ở trường Cao đẳng An ninh nhân dân I

Stt	Phương pháp	Đối tượng	Mức độ thực hiện			Mức độ hiệu quả			r
			M	SD	TB	M	SD	TB	
1	Phương pháp nghe giảng kết hợp ghi chép	CBQL, GV	4,15	0,80		4,18	0,70		0,12*
		LHS	4,15	0,81	1	4,17	0,88	1	
		Chung	4,12	0,80		4,10	0,85		
2	Phương pháp đặt câu hỏi trong học tập	CBQL, GV	3,91	0,76		3,90	0,90		0,35**
		LHS	3,99	0,80	3	4,03	0,83	3	
		Chung	3,90	0,79		3,89	0,86		
3	Phương pháp diễn đạt quan điểm cá nhân	CBQL, GV	3,61	0,85		3,62	0,80		0,27**
		LHS	3,68	0,70	5	3,62	0,75	5	
		Chung	3,65	0,80		3,62	0,78		
4	Phương pháp đọc sách	CBQL, GV	4,12	0,78		4,10	0,82		0,30*
		LHS	4,04	0,80	2	4,04	0,85	2	
		Chung	4,08	0,79		4,07	0,83		
5	Phương pháp quan sát trong học tập	CBQL, GV	3,58	0,74		3,55	0,85		0,18**
		LHS	3,62	0,80	6	3,61	0,70	7	
		Chung	3,60	0,78		3,58	0,76		
6	Phương pháp mô hình hóa/sơ đồ hóa trong học tập	CBQL, GV	3,50	0,90		3,52	0,71		0,40**
		LHS	3,54	0,81	8	3,55	0,70	8	
		Chung	3,52	0,8		3,50	0,70		
7	Phương pháp thí nghiệm trong học tập	CBQL, GV	3,55	0,86		3,58	0,70		0,20**
		LHS	3,62	0,80	7	3,60	0,83	6	
		Chung	3,58	0,82		3,56	0,79		
8	Phương pháp ôn tập, luyện tập	CBQL, GV	3,78	0,74		3,78	0,80		0,37**
		LHS	3,79	0,70	4	3,88	0,65	4	
		Chung	3,79	0,71		3,76	0,74		
Chung			3,77	0,78		3,76	0,73		0,35**

Ghi chú: 1 ≤ M ≤ 5; M: điểm trung bình, SD: độ lệch chuẩn, TB: thứ bậc, r: tương quan, *: p < 0,05 và **: p < 0,01.

Tương quan về mức độ và hiệu quả thực hiện: Kết quả kiểm nghiệm tương quan cho thấy, mức độ thường xuyên và tính hiệu quả các phương pháp tổ chức HĐHT của LHS có mối quan hệ tương quan thuận (r = 0,35, p < 0,01). Kết quả này chứng tỏ rằng, CBQL, GV và LHS trường Cao đẳng ANND I càng

quan tâm tổ chức thường xuyên các phương pháp tổ chức HĐHT của LHS ở nhà trường thì càng mang lại kết quả học tập tích cực cho LHS. Mỗi phương pháp tổ chức HĐHT đều mang lại ý nghĩa tích cực cho LHS, vì vậy nhà trường, GV, CBQL trực tiếp của LHS cần khuyến khích và hướng dẫn LHS thực

hiện phong phú, đa dạng phương pháp nhằm mang lại kết quả học tập tích cực.

3.5. Thực trạng thực hiện hình thức tổ chức hoạt động học tập của lưu học sinh ở trường Cao đẳng An ninh nhân dân I

Kết quả tổng hợp phân tích thống kê kết quả khảo sát tại Bảng 5 cho thấy: CBQL, GV và LHS đánh giá thực trạng thực hiện và hiệu quả thực hiện các hình thức tổ chức HĐHT của LHS ở nhà trường ở mức độ “thường xuyên” (M chung = 4,07) và hiệu quả mức “khá” (M chung = 4,02). Giá trị ĐLC ở tất cả tiêu chí đều ≤ 1,0 thể hiện mức độ tập trung ý kiến đánh giá của CBQL, GV và LHS rất cao. Kết quả báo cáo, hiệu quả thực hiện hình thức tổ chức HĐHT của LHS được đánh giá thấp hơn so với mức độ thực hiện. Trong đó, các hình thức học tập trên lớp, học tập cá nhân, học tập theo nhóm và hoạt động ngoại khóa học tập được đánh giá thực hiện ở mức thường xuyên và hiệu quả cao hơn. Các hình thức học tập tham quan, thực tế, thực tập, thực hành, trải nghiệm có mức độ thực hiện và hiệu quả thấp hơn so với các hình thức khác.

Đặc biệt, hình thức học tập theo định hướng nghiên cứu khoa học được CBQL, GV và LHS đánh giá có mức độ thực hiện thường xuyên thấp nhất (M = 3,66) nhưng có hiệu quả thực hiện ở mức cao nhất (M = 4,19) so với các hình thức khác. Kết quả phỏng vấn, chúng tôi ghi nhận được: một số hình thức trong điều kiện về thời gian, chương trình, thời gian, kinh phí chưa cho phép, đặc biệt với đối tượng LHS có nhiều rào cản về ngôn ngữ, văn hóa nên chưa được tăng cường chú trọng thực hiện thường xuyên và hiệu quả (8GV8, 1GV1, 5GV5, 3GV3).

Mối tương quan về mức độ và hiệu quả thực hiện: Kết quả kiểm nghiệm mối quan hệ tương quan cho thấy, có mối quan hệ tương quan thuận về mức độ thường xuyên và hiệu quả trong mỗi hình thức (r = 0,32, p < 0,05). Kết quả này cũng gợi ý cho trường Cao đẳng ANND I về việc cần quan tâm thực hiện thường xuyên các hình thức tổ chức HĐHT của LHS phong phú và đa dạng để nâng cao hiệu quả HĐHT cho LHS.

Bảng 5. Đánh giá của CBQL, GV và LHS về thực trạng thực hiện hình thức tổ chức HĐHT của LHS ở trường Cao đẳng An ninh nhân dân I

Stt	Hình thức	Đối tượng	Mức độ thực hiện			Mức độ hiệu quả			r
			M	SD	TB	M	SD	TB	
1	Học tập trên lớp (theo thời khóa biểu của nhà trường)	CBQL, GV	4,12	0,72	1	4,11	0,77	1	0,12*
		LHS	4,14	0,80		4,14	0,80		
		Chung	4,13	0,75		4,13	0,79		
2	Học tập cá nhân (tự học, đọc sách, làm bài tập, chuẩn bị bài mới,...)	CBQL, GV	4,09	0,86	2	4,04	0,80	1	0,35**
		LHS	4,12	0,70		4,08	0,77		
		Chung	4,10	0,80		4,13	0,81		
3	Học tập theo nhóm	CBQL, GV	4,08	0,75	3	4,03	0,60	2	0,27**
		LHS	4,01	0,60		3,98	0,65		
		Chung	4,05	0,70		4,01	0,62		
4	Học tập tham quan, thực tế, thực tập, thực hành, trải nghiệm	CBQL, GV	4,12	0,88	3	4,02	0,72	4	0,30*
		LHS	4,14	0,81		3,92	0,75		
		Chung	4,05	0,82		3,97	0,73		
5	Hoạt động ngoại khóa học tập (câu lạc bộ, cuộc thi, diễn đàn học tập,...)	CBQL, GV	4,09	0,84	2	4,03	0,75	3	0,18**
		LHS	4,12	0,70		3,96	0,60		
		Chung	4,10	0,76		3,99	0,66		
6	Học tập theo định hướng nghiên cứu khoa học	CBQL, GV	4,08	0,70	4	3,98	0,61	5	0,40**
		LHS	4,01	0,85		3,90	0,60		
		Chung	4,04	0,75		3,94	0,60		
Chung			4,07	0,75		4,02	0,69		0,32*

* Ghi chú: 1 ≤ M ≤ 5; M: điểm trung bình, SD: độ lệch chuẩn, TB: thứ bậc, r: hệ số tương quan, *: p < 0,05 và **: p < 0,01.

Tóm lại, mặc dù các hình thức tổ chức HĐHT được triển khai phong phú, song vẫn tồn tại một số hình thức có tần suất thực hiện thấp hơn so với tiềm năng hiệu quả, đặc biệt là học tập theo định hướng nghiên cứu khoa học và các hoạt động trải nghiệm thực tiễn. Những hạn chế này chủ yếu bắt nguồn từ

rào cản ngôn ngữ, văn hóa và điều kiện tổ chức. Do đó, nhà trường cần điều chỉnh kế hoạch giảng dạy theo hướng linh hoạt hơn, đẩy mạnh hỗ trợ cá nhân hóa cho LHS, đa dạng hóa phương thức học tập, thiết kế linh hoạt chương trình và hỗ trợ về ngôn ngữ – văn hóa nhằm nâng cao hiệu quả toàn diện của các

hình thức tổ chức hoạt động học tập; cùng với đó, cần tăng cường đầu tư điều kiện tổ chức, lồng ghép các hình thức học tập giàu tính trải nghiệm và tăng cường cơ hội tham gia nghiên cứu khoa học nhằm phát huy hiệu quả toàn diện trong hoạt động học tập của đối tượng đặc thù này.

3.6. Thực trạng điều kiện tổ chức hoạt động học tập của lưu học sinh ở trường Cao đẳng An ninh nhân dân I

Kết quả khảo sát ở Bảng 6 cho thấy: CBQ, GV và LHS trường Cao đẳng ANND I đánh giá nhà trường “thường xuyên” đầu tư (M chung = 3,82) về điều kiện tổ chức HĐHT của LHS và đáp ứng ở mức độ “khá” (M chung = 3,80). Độ lệch chuẩn (SD) ở tất cả các tiêu chí đều ≤ 1,0, cho thấy sự thống nhất cao trong nhận định giữa các nhóm đối tượng khảo sát. Có sự tương đồng về thứ bậc mức độ đầu tư và hiệu quả đáp ứng về điều kiện tổ chức HĐHT của LHS ở nhà trường. Tuy vậy, việc xét về tính hiệu quả thì ĐTB chung chỉ rõ mức độ đáp ứng điều kiện tổ chức HĐHT của LHS được thấp hơn so với mức độ đầu tư.

Trong các yếu tố được xem xét, điều kiện về cơ sở vật chất (CSV), trang thiết bị, phương tiện học tập và nguồn lực thời gian được đánh giá có mức đầu tư và mức độ đáp ứng cao nhất. Điều này phản ánh sự quan tâm của nhà trường trong việc cải thiện điều kiện học tập thiết yếu cho LHS. Tổng hợp ý kiến phỏng vấn từ CBQL và GV cho thấy, cùng với sự hỗ trợ của Đảng và Nhà nước, nhà trường đã quan tâm phát huy điều kiện nội sinh để đầu tư và đáp ứng

điều kiện CSV, phương tiện thiết bị phục vụ học tập, sinh hoạt của LHS (2CBQL3, 3GV5). Tuy nhiên, nhiều LHS mong muốn nhận được sự quan tâm nhiều hơn từ GV và CBQL trong việc hỗ trợ tinh thần, động viên học tập và giúp đỡ vượt qua khó khăn về ngôn ngữ, văn hóa, và giao tiếp học đường. Nhà trường quan tâm xây dựng điều kiện về môi trường tâm lý - xã hội trong nhà trường; động viên khích lệ của GV, giúp đỡ LHS gặp khó khăn trong học tập (2LHS2, 4LHS4, 5LHS5).

Mối tương quan về mức độ đầu tư và mức độ đáp ứng: Kết quả kiểm định cho thấy có mối tương quan thuận giữa mức độ đầu tư và mức độ đáp ứng điều kiện tổ chức hoạt động học tập cho lưu học sinh tại trường Cao đẳng ANND I ($r = 0,17 - 0,28, p < 0,01, p < 0,05$). Điều này khẳng định rằng sự đầu tư có định hướng và phù hợp, góp phần nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động học tập. Tuy nhiên, bên cạnh việc đảm bảo cơ sở vật chất và nguồn lực, nhà trường cần đặc biệt chú trọng đến việc xây dựng môi trường tâm lý - xã hội tích cực, thân thiện và hỗ trợ lưu học sinh trong quá trình thích nghi về văn hóa, ngôn ngữ và giao tiếp sư phạm. Để nâng cao chất lượng tổ chức hoạt động học tập, nhà trường cần tăng cường xây dựng môi trường thân thiện, hỗ trợ tinh thần và thích nghi văn hóa cho LHS; đồng thời cần có sự quan tâm đồng bộ từ CBQL, GV và các lực lượng hỗ trợ, tạo nên một hệ sinh thái giáo dục toàn diện, đáp ứng tốt hơn nhu cầu đặc thù của LHS. Đây là yếu tố then chốt nhằm nâng cao chất lượng tổ chức HĐHT, phù hợp với nhu cầu và đặc điểm của LHS.

Bảng 6. Đánh giá của CBQL, GV và LHS về thực trạng điều kiện tổ chức HĐHT của LHS ở trường Cao đẳng An ninh nhân dân I

Stt	Điều kiện	Đối tượng	Mức độ đầu tư			Mức độ đáp ứng			r
			M	SD	TB	M	SD	TB	
1	CSV, trang thiết bị, phương tiện phục vụ tổ chức HĐHT của LHS	CBQL, GV	3,96	0,60		3,91	0,81		0,17**
		LHS	3,92	0,71	1	3,86	0,73	1	
		Chung	3,94	0,75		3,89	0,68		
2	Nguồn lực thời gian dành cho HĐHT của LHS	CBQL, GV	3,89	0,56		3,83	0,80		0,28**
		LHS	3,88	0,60	2	3,82	0,73	2	
		Chung	3,89	0,72		3,83	0,77		
3	Điều kiện môi trường tâm lý - xã hội trong nhà trường	CBQL, GV	3,84	0,64		3,82	0,70		0,25*
		LHS	3,76	0,80	3	3,77	0,80	3	
		Chung	3,80	0,78		3,79	0,64		
4	Cơ chế, chính sách, sự chỉ đạo, phối hợp và tạo điều kiện HĐHT của LHS từ cơ quan quản lý	CBQL, GV	3,62	0,62		3,69	0,72		0,19*
		LHS	3,73	0,60	4	3,74	0,75	4	
		Chung	3,68	0,80		3,72	0,93		
Chung			3,82	0,77		3,80	0,73		0,22**

Ghi chú: $1 \leq M \leq 5$; M: điểm trung bình, SD: độ lệch chuẩn, TB: thứ bậc, r: hệ số tương quan, *: $p < 0,05$ và **: $p < 0,01$.

3.7. Thực trạng kiểm tra - đánh giá kết quả hoạt động học tập của lưu học sinh ở trường Cao đẳng An ninh nhân dân I

Kết quả khảo sát ở Bảng 7 cho thấy, công tác đánh giá kết quả HĐHT của LHS ở trường Cao đẳng ANND I được thực hiện ở mức thường xuyên (M chung = 3,61) và khá hiệu quả (M chung = 3,56). Giá trị ĐLC ở tất cả tiêu chí đều ≤ 1,0 thể hiện mức độ phân tán ý kiến đánh giá của CBQL, GV và LHS nhỏ. ĐTB chung chỉ rõ mức độ thực hiện công tác kiểm tra - đánh giá (KT-ĐG) kết quả HĐHT của LHS thấp hơn so với mức độ thực hiện. Điều này thể hiện vẫn còn những hạn chế, bất cập trong công tác đánh giá khiến cho công tác này chưa mang lại hiệu quả tương ứng với mức độ thực hiện. Trong đó, các khía cạnh đánh giá như: thực hiện quy chế thi, kiểm tra do Bộ GD&ĐT, Bộ Công an ban hành; hình thức KT-ĐG HĐHT đa dạng; thực hiện yêu cầu KT-ĐG HĐHT; đánh giá kiến thức, kỹ năng, phẩm chất LHS đạt được gắn liền với từng học phần có mức độ thực hiện và hiệu quả cao hơn so với các khía cạnh khác. Trong khi đó, các khía cạnh đánh giá quan trọng khác như kết hợp đánh giá của GV với tự đánh giá

và đánh giá đồng đẳng của LHS; thu thập thông tin về mức độ đáp ứng yêu cầu, mục tiêu HĐHT của LHS; cung cấp cho LHS thông tin về KT-ĐG HĐHT thực hiện ở mức độ và hiệu quả thấp hơn.

Tương quan giữa mức độ thực hiện và hiệu quả: Kết quả kiểm nghiệm báo cáo mối quan hệ tương quan thuận ($r = 0,10 - 0,40$; $p < 0,01$, $p < 0,05$) giữa các nội dung đánh giá kết quả HĐHT của LHS. Kết quả này cho thấy sự đầu tư vào hoạt động đánh giá có tác động tích cực đến kết quả học tập của LHS. Nhìn chung, công tác KT-ĐG kết quả hoạt động học tập của LHS tại Trường Cao đẳng ANND I được thực hiện thường xuyên và đạt hiệu quả khá. Tuy nhiên, hiệu quả thực tế còn thấp hơn so với mức độ triển khai, điều này cho thấy còn tồn tại những bất cập, đặc biệt ở các khía cạnh như: cung cấp thông tin cho người học, thu thập phản hồi, và kết hợp nhiều hình thức đánh giá. Để nâng cao chất lượng, nhà trường cần tăng cường đánh giá toàn diện, phát triển hệ thống phản hồi hai chiều, đẩy mạnh đánh giá quá trình, và đa dạng hóa hình thức kiểm tra gắn với mục tiêu đào tạo phù hợp đặc thù với LHS.

Bảng 7. Đánh giá của CBQL, GV và LHS về thực trạng đánh giá kết quả HĐHT của LHS ở trường Cao đẳng An ninh nhân dân I

Stt	Đánh giá	Đối tượng	Mức độ thực hiện			Mức độ hiệu quả			r
			M	SD	TB	M	SD	TB	
1	Xác định các tiêu chí đánh giá kết quả HĐHT	CBQL, GV	3,60	0,70		3,50	0,60		0,21**
		LHS	3,70	0,60	4	3,70	0,63	6	
		Chung	3,65	0,65		3,43	0,61		
2	Cung cấp cho LHS thông tin về hoạt động KT-ĐG HĐHT	CBQL, GV	3,39	0,72		3,41	0,60		0,32**
		LHS	3,52	0,60	6	3,50	0,65	5	
		Chung	3,45	0,63		3,46	0,62		
3	Thực hiện quy chế thi, kiểm tra do Bộ GD&ĐT, Bộ Công an ban hành	CBQL, GV	3,82	0,70		3,80	0,72		0,28*
		LHS	3,94	0,75	1	3,89	0,77	1	
		Chung	3,88	0,72		3,84	0,73		
4	Đánh giá kiến thức, kỹ năng, phẩm chất LHS đạt được gắn liền với từng học phần	CBQL, GV	3,43	0,64		3,48	0,75		0,35**
		LHS	3,59	0,60	5	3,60	0,60	4	
		Chung	3,51	0,62		3,54	0,65		
5	Hình thức KT-ĐG HĐHT đa dạng (tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp,...)	CBQL, GV	3,43	0,70		3,63	0,81		0,24**
		LHS	3,85	0,71	2	3,85	0,80	2	
		Chung	3,79	0,70		3,74	0,80		
6	Thực hiện yêu cầu KT-ĐG HĐHT (chuyên cần, bài tập giữa kì, thi cuối kì,...)	CBQL, GV	3,62	0,76		3,58	0,60		0,10**
		LHS	3,82	0,70	3	3,75	0,63	3	
		Chung	3,72	0,72		3,66	0,61		
7	Kết hợp đánh giá của GV với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của LHS	CBQL, GV	3,38	0,70		3,39	0,70		0,17**
		LHS	3,45	0,60	7	3,45	0,75	7	
		Chung	3,41	0,65		3,42	0,73		
Chung			3,61	0,77		3,56	0,73		0,18**

* Ghi chú: $1 \leq M \leq 5$; M: điểm trung bình, SD: độ lệch chuẩn, TB: thứ bậc, r: tương quan, *: $p < 0,05$, **: $p < 0,01$.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy CBQL, GV và LHS tại Trường Cao đẳng ANND I có nhận thức tương đối thống nhất về tầm quan trọng của HĐHT đối với sự phát triển năng lực nghề nghiệp, ý nghĩa chính trị – ngoại giao và chất lượng đào tạo của nhà trường.

Các thành tố cấu trúc của HĐHT – gồm mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức, điều kiện và đánh giá – đều được triển khai tương đối thường xuyên và đạt hiệu quả khá, trong đó hình thức tổ chức đạt ĐTB cao nhất ($M = 4,09$ và $4,02$). Tuy nhiên, hiệu quả thực hiện một số thành tố như kiểm tra – đánh giá ($M = 3,56$) và phương pháp tổ chức ($M = 3,76$) vẫn còn hạn chế, phản ánh sự thiếu đồng đều giữa mức độ triển khai và chất lượng. Điều này phù hợp với nhận định của Nguyen et al. (2022) về xu hướng học tập thụ động, thiếu chủ động trong tự học và nghiên cứu của sinh viên, bao gồm cả LHS.

Để nâng cao chất lượng HĐHT của LHS, cần thực hiện đồng bộ các thành tố cấu trúc, đặc biệt chú trọng cải tiến công tác KT-ĐG và phương pháp dạy học. Việc đa dạng hóa hình thức đánh giá, áp dụng các phương pháp học tập tích cực và phát triển năng lực tư duy phản biện là cần thiết. Đồng thời, việc xây dựng môi trường học tập thân thiện cần được thực hiện nhằm hỗ trợ LHS thích nghi về văn hóa, ngôn ngữ và phương pháp học tập.

Việc phát huy vai trò chủ động của LHS trong học tập, nghiên cứu và rèn luyện cũng là yếu tố then chốt. GV và CBQL cần đóng vai trò định hướng và tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển toàn diện của người học. Những kết quả và kiến nghị từ nghiên cứu không chỉ có giá trị thực tiễn đối với trường Cao đẳng ANND I mà còn có thể tham khảo để nâng cao hiệu quả tổ chức hoạt động học tập cho LHS tại các cơ sở giáo dục có đối tượng đào tạo tương đồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO (REFERENCES)

- Hoang, T., & Chu, N. M. N. (2008). *Applied statistics in socio-economics*. Statistical Publishing House.
- Le, M. N. (2013). Approaching the structure of learning activities according to the activity theory of A. N. Leontiev. *Vietnam Journal of Educational Sciences*, 97, 8-12 (in Vietnamese).
- Ministry of Education and Training. (2018). *Regulations on the management of foreigners studying in Vietnam* (Circular No. 30/2018/TT-BGDĐT). <https://chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=196071>
- Ministry of Public Security. (2025). *Regulations on the management of high school students within the People's Public Security force* (Circular No. 45/2025/TT-BCA). <https://vbpl.vn/tw/Pages/vbpq-luocdo.aspx?ItemID=179023>
- Ministry of Public Security. (2023). *Decision approving the Project "Improving the quality of education and training in the People's Public Security by 2030 to meet the goal of building a truly clean, strong, disciplined, elite, and modern People's Public Security force"* (No. 3122/QĐ-BCA) (in Vietnamese). <https://vbpl.vn/tw/Pages/vbpq-luocdo.aspx?ItemID=179023>
- Ngo, T. T. T., Nguyen, A. M., & Nguyen, N. L. (2021). The level of adaptation in learning activities of Khmer ethnic students at Can Tho University. *Can Tho University Journal of Science*, 57(3), 236–243 (in Vietnamese). <https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2021.106>
- Nguyen, D. K., Phan, H. H., & Le, Q. T. (2022). Current status of student learning activities at FPT University branch in Can Tho City. *Journal of Education*, 22(20), 48-53 (in Vietnamese).
- Nguyen, L. B. (2010). *Active teaching and learning: Some teaching methods and techniques*. University of Education Publishing House (in Vietnamese).
- Nguyen, T. D. (2018). Current status of time use for learning activities of Hong Duc University students. *Hong Duc University Science Journal*, 42, 20-29 (in Vietnamese).
- Nguyen, T. H., Nguyen, T. N. B., Nguyen, T. H., Pham, T. T. H., & Mai, T. T. T. (2022). *The relationship between academic stress and academic achievement among students of Hue University of Education*. *Journal of Psychology*, 279(6), 60–70 (in Vietnamese)
- Nguyen, V. D., & Huynh, T. P. (2024). Current status of managing students' learning activities at Can Tho Medical College. *Dong Thap University Journal of Science*, 13(03S), 318–326 (in Vietnamese). <https://doi.org/10.52714/dthu.13.03S.2024.1430>
- Nguyen, V. H., & Ha, T. D. (2002). *General pedagogy* (Vols. 1–2). Education Publishing House (in Vietnamese).
- People's Security College I. (2020). *Intermediate level training program* (Decision No. 237/QĐ-T08-P3 by the Principal of People's Security College I, Ministry of Public Security). <https://cdannn1.bocongan.gov.vn/news/c/1052/trung-cap> (in Vietnamese).

- Pham, T. T. H., Ho, T. T. Q., Nguyen, B. T. N., Nguyen, H. T., & Nguyen, T. H. (2024). Academic motivation and academic satisfaction: A moderated mediation model of academic engagement and academic self-efficacy. *Journal of Applied Research in Higher Education*, 16(5), 1999–2012.
<https://doi.org/10.1108/JARHE-10-2023-0474>
- Politburo. (2022). *Promoting the building of a clean, strong, disciplined, elite, and modern People's Public Security force to meet the requirements and tasks in the new situation (Resolution No. 12-NQ/TW dated March 16, 2022) (in Vietnamese)*.
<https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang>
- Weaver, D., Spratt, C., & Nair, C. S. (2008). Academic and student use of a learning management system: Implications for quality. *Australasian Journal of Educational Technology*, 24(1), 30-41
<https://doi.org/10.14742/ajet.1228>